

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HS-ST  
Ngày: 23-7-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Xuân Oanh.**

*Thẩm phán:* Bà **Bùi Thị Bích Liễu.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Thu Huyền**

**Ông Đoàn Minh Long**

**Ông Mai Gia Cát.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Hải Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh KH.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH tham gia phiên tòa:** Ông **Lê Hoàng Long** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh KH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

**Đỗ Thái S**, sinh ngày: 12/9/1981; Nơi cư trú: Phòng 23-01, CT4 Chung cư T, thôn Đ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: số A, ngõ L, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Phòng Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, Cục Tổ chức cán bộ, Bộ C; Con ông: Đỗ Thái B, sinh năm: 1956 (đã chết) và bà: Phạm Thị N, sinh năm: 1958; Vợ: bà Đàm Thị Kiều N1, sinh năm: 1988; Con: Đỗ Trần N2, sinh năm: 2005 và Đỗ Minh N3, sinh năm: 2022; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 11/01/2023 bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử 10 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại Bản án số 15/2023/HS-PT. Bị cáo đang bị giam trong vụ án khác. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh K. Có mặt tại phiên tòa.

**- Bào chữa cho bị cáo Đỗ Thái S:** Ông **Lê Phước A** – Luật sư Văn phòng luật Phan Tấn H thuộc đoàn luật sư tỉnh K. (Có mặt)

- *Bị hại:* Ông Trần Văn T, sinh năm: 1971; Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1977, cùng trú tại: Tổ dân phố E, thị trấn K, huyện K, tỉnh KH.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn M, sinh năm: 1998, trú tại: Tổ dân phố E, thị trấn K, huyện K, tỉnh KH. (Có mặt)

2. Bà Trần Thị H2, sinh năm: 1994, trú tại: Tổ dân phố E, thị trấn K, huyện K, tỉnh KH. (Xin xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Bà Đàm Thị H3, sinh năm: 1986, trú tại: Tổ dân phố E, thị trấn K, huyện K, tỉnh KH. (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1985, trú tại: Tổ dân phố E, thị trấn K, huyện K, tỉnh KH. (Có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng đầu năm 2020, Nguyễn Thị P (em họ của ông T) đã đến gặp Đàm Thị H3 để nhờ H3 hỏi Đỗ Thái S (em rể của H3) hiện đang công tác tại Phòng Bảo hiểm xã hội thuộc Cục T1 cán bộ Bộ C xem có thể xin cho M vào ngành Công an không. H3 điện thoại hỏi S thì S nói “Chỉ cứ để họ làm việc với em”. Sau đó, ông T đến gặp H3 đặt vấn đề xin việc cho con thì H3 cho ông T số điện thoại của S là 0973.683.168. Ông T đã liên hệ với S theo số điện thoại trên và nhờ S xin việc cho M; S đồng ý với điều kiện ông T phải đưa cho S số tiền 800.000.000 đồng. Sau đó, ông T đã nói M gửi hồ sơ xin việc của M ra thành phố Hà Nội cho S (theo sự hướng dẫn của S); ngày 15/6/2020, M đã chuyển hồ sơ xin việc ra cho S theo đường Bưu điện. Tiếp đến, ông T 02 lần nhờ con gái là Trần Thị H2 gửi tiền mặt vào tài khoản ngân hàng của S. Cụ thể, ngày 19/5/2020, H2 đã gửi 400.000.000 đồng; ngày 26/5/2020, H2 đã gửi 400.000.000 đồng. Sau khi chuyển tiền xong, ông T đến gặp H3 nhờ H3 nói với S viết giấy nhận tiền để gửi cho ông T. H3 đã nhắn tin cho S nói S viết giấy nhận tiền thì S đã viết “Giấy vay tiền” với nội dung S vay của ông T số tiền 800.000.000 đồng rồi chuyển theo đường Bưu điện cho H3. H3 đã đưa lại Giấy vay tiền cho ông T. Một thời gian sau không thấy S xin được việc cho M và cũng không trả lại tiền, ông T đã làm đơn tố cáo S. Ngày 11/5/2023, M đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 05 file ghi âm ghi lại cuộc nói chuyện giữa M và S, trong đó có nội dung S nói với M: “*Không. Được có 03 suất thôi*”; “*Ừ, nhưng cháu có danh sách*”;

*“Không. Cứ biên chế hăng rồi tính sau”; “Bây giờ trước mắt là cứ đợi quyết định hăng xong rồi tính sau, xử lý cho cháu sau, nhé”.*

Quá trình điều tra, S không thừa nhận việc nhận tiền của ông T để xin việc cho con ông T, mà chỉ thừa nhận vay tiền của ông T để làm ăn. Về việc xin cho con ông T vào ngành Công an, S khai có liên hệ với ông Hoàng Tiến H4, Trưởng phòng 8, Cục Tổ chức cán bộ, Bộ C để hỏi thăm thông tin tuyển biên chế trong ngành Công an. Tuy nhiên, ông H4 không thừa nhận có sự việc này. (Bút lục: 43, 52-53, 57, 59, 89-90, 112-113, 114, 117-118....)

Tại Kết luận giám định số 6009/KL-KTHS ngày 29/9/2023 của Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ C kết luận:

- Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa trong 05 file âm thanh mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người nam xưng là “chú” (ký hiệu là “S” trong “Bản dịch nội dung”) trong 05 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Đỗ Thái S trong mẫu so sánh là cùng một người nói ra.

Quá trình điều tra bị can Đỗ Thái S không thành khẩn khai báo; bị can chưa có tiền án, tiền sự.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: 01 USB nhãn hiệu San Disk-Cruzer Glide 8 GB màu đen có lưu trữ 05 file ghi âm giữa Trần Văn M và Đỗ Thái S, đã được đưa vào trong hồ sơ vụ án. (Bút lục: 142)

Phản dân sự: Ông Trần Văn T yêu cầu Đỗ Thái S phải bồi thường số tiền 800.000.000 đồng

Tại bản Cáo trạng số 66/CT-VKSKH-P1 ngày 21/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH truy tố bị cáo Đỗ Thái S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đỗ Thái S đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Thái S từ 13 - 14 năm tù.

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho bị hại toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt.

*Ý kiến của luật sư Lê Phước A bào chữa cho bị cáo Đỗ Thái S:* Thống nhất với tội danh và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử cần xem xét đến nguyên nhân gây ra hành vi phạm tội của bị cáo có 01 phần lỗi bị hại là nhờ bị cáo xin việc cho con trai mình. Bản

thân bị cáo trong thời gian công tác tại Bộ C có nhiều thành tích xuất sắc được tặng “Huy chương chiến sỹ vẻ vang” là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Thái S thừa nhận hành vi phạm tội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Trong quá trình điều tra truy tố xét xử; Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ và thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[1.2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Trần Thị H2 có đến phiên tòa, tại phần thủ tục xin Hội đồng xét xử cho xét xử vắng mặt vì lý do công việc gia đình, chăm con nhỏ và giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan điều tra. Xét thấy việc vắng mặt của bà H2 không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án trên.

[2] Trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/5/2020 đến ngày 26/5/2020, Đỗ Thái S là cán bộ Công tác tại phòng bảo hiểm xã hội thuộc Cục T1 cán bộ Bộ C mặc dù S không có chức trách, nhiệm vụ tham mưu đề xuất tuyển chỉ tiêu biên chế cho ngành Công an nhưng khi ông Trần Văn T ở tổ F, thị trấn K, tỉnh KH nhờ xin việc cho con là Trần Văn M vào biên chế ngành Công an, S đã gian dối chiếm đoạt của ông T số tiền 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*).

Như vậy, Cáo trạng số 66/CT-VKSKH-P1 ngày 21 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH đã truy tố bị cáo Đỗ Thái S về tội: “*Lừa đảo*

*chiếm đoạt tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét thấy, hành vi của bị cáo

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội; Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác là một trong những khách thể được luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây hoang mang lo lắng trong cộng đồng dân cư. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối tạo lòng tin cho bị hại nhằm chiếm đoạt số tiền lớn của bị hại. Năm 2019, bị cáo thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của các bị hại khác bằng thủ đoạn tương tự như bị cáo đã thực hiện trong vụ án trên và bị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội xét xử 10 năm 06 tháng tù.

Do đó, cần phải xử lý bị cáo thật nghiêm khắc cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện trả lại số tiền chiếm đoạt cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành người công dân tốt.

Tại phiên tòa, vị luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo được tặng các Huy chương chiến sĩ vẻ vang trong quá trình công tác nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo khai không quan tâm và không chịu cung cấp trong hồ sơ vụ án nên chưa có cơ sở xem xét.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền bị cáo chiếm đoạt là 800.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý, xét nên buộc bị cáo phải trả lại cho bị hại.

[5] Về án phí: Bị cáo Đỗ Thái S phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 đối với bị cáo Đỗ Thái S

1. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thái S 13 (Mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù tại bản án số 15/2023/ HSPT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho 02 bản án là 23 (Hai mươi ba) năm 06 (SI) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 23 tháng 11 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo và bị hại, buộc bị cáo Đỗ Thái S phải trả lại cho ông Trần Văn T, bà Trần Thị H5 số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

3. Về án phí: Bị cáo Đỗ Thái S phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) án phí Dân sự sơ thẩm..

Quy định: Kể từ khi ông Trần Văn T, bà Trần Thị H5 có đơn yêu cầu hoàn trả số tiền bị cáo chiếm đoạt mà bị cáo Đỗ Thái S chưa thi hành khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Đỗ Thái S, bị hại ông Trần Văn T, bà Trần Thị H5; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bà Trần Thị H2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Vụ I - GĐKT TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh KH;
- CQ CSĐT Công an tỉnh KH;
- Trại tạm giam, CQ THAHS, Phòng NVHS Công an tỉnh KH;
- Cục THADS tỉnh KH;
- Sở tư pháp tỉnh KH;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Xuân Oanh**

